

BÀN VỀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH TƯ PHÁP ĐẾN NĂM 2020

*Nguyễn Văn Quyền**

Công cuộc cải cách tư pháp đã và đang được Đảng và Nhà nước ta tiến hành trong nhiều năm qua mà điểm nút quan trọng là việc ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”. Phát huy và tiếp nối những kết quả đã đạt được, ngày 2-6-2005 Bộ Chính trị ban hành tiếp nghị quyết 49-NQ/TW về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Đây là nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị, đề cập toàn diện về cải cách tư pháp cho thời gian dài với mục tiêu: xây dựng được một nền tư pháp Việt Nam trong sạch, vững mạnh; tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp phải mang tính dân chủ sâu sắc; các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án phải bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng tội phạm, bảo vệ quyền tự do, dân chủ, quyền con người, duy trì công lý.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, chúng ta phải tiến hành nhiều giải pháp và hoàn thành hàng loạt công việc cụ thể, với lộ trình và bước đi phù hợp. Dưới đây xin giới thiệu những nội dung cơ bản mà theo chúng tôi cần được thực hiện trong những năm tới.

1. Nội dung trước hết của cải cách tư pháp là cần hoàn thiện chính sách hình sự và các thủ tục tố tụng tư pháp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tư pháp. Trong những năm tới, chính sách hình sự và tố tụng tư pháp phải được hoàn thiện theo hướng nâng cao tính dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người; đề cao trách nhiệm pháp lý của các cán bộ có chức danh tư pháp trong hoạt động tố tụng.

Để thực hiện định hướng trên, Bộ luật Hình sự 1999 cần được sửa đổi theo hướng phi tội phạm hoá một số hành vi mà hiện nay Bộ luật coi là tội phạm như: tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác; tội kinh doanh trái phép; tội chiếm giữ trái phép tài sản; tội vô ý gây thiệt hại đến tài sản... Những hành vi này có thể áp dụng các biện pháp khác để xử lý thay cho biện pháp hình sự khi các hành vi đó không còn nguy hiểm cho xã hội trong điều kiện phát triển mới của đất nước, hội nhập quốc tế và khu vực.

Bên cạnh đó cần điều chỉnh việc áp dụng loại hình phạt mà người phạm tội phải cách ly với xã hội và loại hình phạt không phải cách ly với cộng đồng. Giảm áp dụng hình phạt tù mà chủ yếu là áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội như: các tội phạm về môi trường; một số loại tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; xâm phạm an toàn công cộng; xâm phạm trật tự quản lý hành chính; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Trong xu thế nhân đạo về hình phạt hiện nay, cần phải nghiên cứu về việc áp dụng hình phạt tước sinh mạng của người phạm tội theo hướng hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Việc tước sinh mạng của người phạm tội chỉ áp dụng đối với một số ít tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như: tội giết người, tội chống loài người, tội phạm chiến tranh... Nghiên cứu bổ sung thêm đối tượng không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không phải thi hành án tử hình.

Cùng với việc phi tội phạm hoá và nhân đạo hoá hình phạt, thì phải nghiên cứu tội phạm hoá đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong lĩnh vực kinh tế do quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập khu vực và quốc tế. Bộ luật Hình sự cần sửa đổi theo hướng quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội,

* TS Luật học, Ban Nội chính Trung ương

kê tham nhũng. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác.

Đối với việc hoàn thiện tổ tụng tư pháp, cần nghiên cứu mở rộng quyền hạn về tổ tụng hình sự cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định và hành vi trong điều tra, truy tố, xét xử. Tiến tới giao cho điều tra viên, kiểm sát viên thực hiện các quyền hạn tố tụng, trừ quyết định quan trọng nhất, như khởi tố bị can, quyết định áp dụng biện pháp tạm giam, quyết định truy tố... Thẩm phán có quyền quyết định áp dụng thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; ra quyết định thi hành án; cho hoãn việc chấp hành án, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, quyết định xoá án tích...

Tiếp tục hoàn thiện tố tụng dân sự theo hướng đề cao trách nhiệm và quyền tự định đoạt và chứng minh của các bên đương sự trong việc giải quyết các tranh chấp và yêu cầu hợp pháp của họ trước toà án. Tiến tới thực hiện cơ chế toà án không xác minh, thu thập chứng cứ trong các vụ án dân sự. Các đương sự có quyền và phải có nghĩa vụ xuất trình chứng cứ để tự chứng minh. Toà án chỉ ra phán quyết trên cơ sở các chứng cứ do đương sự đưa ra và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Do vậy phải nghiên cứu tổ chức và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các tranh chấp dân sự là tranh chấp phát sinh giữa các bên trong quan hệ kinh tế-xã hội. Do vậy, nên chú trọng và khuyến khích cơ chế tự thoả thuận của các bên trong giải quyết các vụ án dân sự hoặc thông qua các hình thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án phù hợp với xu thế hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay như hoà giải, trọng tài. Bên cạnh đó chú trọng nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ tư pháp (hỗ trợ của toà án) đối với việc giải quyết các tranh chấp ngoài toà án theo hướng các bên tự thoả thuận với nhau và đến toà án yêu cầu ra quyết

định công nhận sự thoả thuận này để làm cơ sở pháp lý cho việc có thể cưỡng chế thi hành trong thực tế.

Mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính. Đối mới mạnh mẽ thủ tục tố tụng hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước toà án trong việc đưa ra những đề nghị, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ và tranh luận dân chủ tại phiên toà; nâng cao chất lượng và hiệu lực của các bản án, quyết định về hành chính của toà án.

Sửa đổi cơ chế xét xử tập thể. Đối với một số vụ án hình sự ít nghiêm trọng, tình tiết đơn giản, chứng cứ rõ ràng, đầy đủ; những vụ án dân sự mà có giá trị tài sản tranh chấp thấp, tranh chấp kinh tế, thương mại... thì áp dụng cơ chế một thẩm phán xét xử.

Tiếp tục hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm để thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc hai cấp xét xử theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật tránh kháng nghị thiếu căn cứ.

Từng bước công khai hoá các bản án, trừ những bản án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong, mỹ tục để người dân có điều kiện tiếp cận với công lý. Xây dựng cơ chế để bảo đảm mọi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành; các cơ quan hành chính nhà nước vi phạm, bị xử lý theo phán quyết của toà án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2. Hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của các cơ quan tư pháp theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp, trong đó đề cao vai trò trung tâm của toà án; tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp khác phục vụ cho công tác xét xử của toà án. Từng bước xã hội hoá một số hoạt động tư pháp, giao cho các cá nhân, tổ chức xã hội thực hiện.

Tổ chức nghiên cứu về phạm vi thẩm quyền của toà án theo hai hướng: Một là, nghiên cứu thực hiện xã hội hoá việc giải quyết một số tranh chấp nhằm giảm số lượng vụ việc mà toà án phải thụ lý. Xây dựng cơ chế khuyến khích người dân tự giải quyết hoặc các tổ chức hoà giải, trọng tài giải quyết những tranh chấp đơn giản, có giá trị thấp. Hai là, mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính. Cần nghiên cứu cơ chế bảo đảm các khiếu kiện về hành chính phải được toà án phán quyết, nếu người dân yêu cầu.

Tổ chức hệ thống toà án không phụ thuộc vào đơn vị hành chính mà theo thẩm quyền xét xử gồm: Toà án sơ thẩm được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện (toà án khu vực); Toà án phúc thẩm được đặt theo đơn vị hành chính cấp tỉnh có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Toà thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm; Toà án tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm. Về tổ chức, Toà án nhân dân tối cao cần tinh gọn với đội ngũ thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật có bề dày kinh nghiệm lâu năm trong ngành.

Đối với viện kiểm sát nhân dân cần được cải cách theo hai giai đoạn. Trước mắt, giữ nguyên chức năng của viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp 1992, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Cùng với sự thay đổi về bộ máy toà án thì tổ chức của viện kiểm sát nhân dân cũng được thay đổi cho phù hợp.

Về lâu dài, cần nghiên cứu, xác định rõ nhiệm vụ của viện kiểm sát trên các lĩnh vực tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, kiểm sát hoạt động xét xử, thi hành án; quan hệ giữa viện kiểm sát với cơ quan điều tra, với toà án và với cơ quan thi hành án. Như vậy cần tính toán lại về sự cần thiết, phạm vi nhiệm vụ kiểm sát hoạt động tư pháp. *Từ đó nghiên cứu điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát theo hướng Viện kiểm sát thực hiện một chức*

năng duy nhất là công tố và chuyển viện kiểm sát thành viện công tố.

Để thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của viện kiểm sát (sau này là viện công tố) đối với việc đấu tranh chống tội phạm, không để lọt tội phạm và không xử lý oan người vô tội, thì phải nghiên cứu làm rõ và xác định đúng vai trò của viện công tố với cơ quan điều tra. Viện công tố phải có đủ khả năng để quyết định việc điều tra, việc truy tố bị can; có quyền hạn để cơ quan điều tra thực hiện theo yêu cầu của mình. Do vậy cần nghiên cứu về mối quan hệ tổ chức, nhân sự giữa viện công tố và cơ quan điều tra.

Đối với cơ quan điều tra cần tiến hành xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra theo hướng cơ quan điều tra điều tra tất cả các vụ án hình sự, một số cơ quan khác (kiểm lâm, biên phòng, hải quan, cảnh sát biển, cảnh sát giao thông, cảnh sát phòng cháy, chữa cháy...) chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ, như: lập biên bản về sự việc tội phạm xảy ra; bảo vệ hiện trường, thu giữ tang vật, giữ người phạm tội... và chuyển mọi tài liệu, tang vật, người bị bắt giữ cho cơ quan điều tra để điều tra vụ án. Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan điều tra và cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ; giữa các cơ quan điều tra với nhau mà trung tâm là viện kiểm sát để kiểm soát được tình hình đấu tranh chống tội phạm; xử lý nhanh chóng, kịp thời các vụ án đã phát hiện, điều tra.

Nhanh chóng sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ để thực hiện Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, nhất là về tổ chức cơ quan điều tra trong lực lượng công an. Đồng thời cần tiếp tục nghiên cứu cụ thể và chuẩn bị điều kiện để tổ chức lại các cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa công tác trình sát và hoạt động điều tra tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra được tổ chức phù hợp với tổ chức của toà án, viện kiểm sát không bắt buộc gắn với đơn vị hành chính.

Về cơ quan thi hành án cần điều chỉnh nhiệm vụ và giao cho Bộ Tư pháp thống nhất quản lý công tác thi hành án cả về hình sự, dân sự. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức, cán bộ, cơ sở vật chất để Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ đó sau năm 2010. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan thi hành án của Bộ Tư pháp và cơ quan công an, cơ quan điều tra để phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, an toàn cho công tác thi hành án.

3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp nhằm phục vụ tốt hơn yêu cầu của hoạt động tư pháp nói chung, của hoạt động xét xử nói riêng. Trong đó, đặc biệt chú ý đến tổ chức và hoạt động của luật sư; cần xác định rõ vị trí của luật sư trong hoạt động tố tụng, nhất là khi thực hiện việc tranh tụng trong xét xử. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động hỗ trợ tư pháp cần được tiến hành theo hướng nâng cao tính chuyên sâu, đồng thời xã hội hoá rộng rãi đối với những hoạt động có thể xã hội hoá được.

Về chế định luật sư cần phân định rõ và hợp lý giữa công tác quản lý nhà nước về luật sư và chế độ tự quản của tổ chức luật sư. Nhà nước tạo điều kiện pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với các thành viên của mình. Xây dựng, phát triển đội ngũ luật sư ngày càng đông đảo, có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn cao. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng, đa dạng hoá hình thức hành nghề của luật sư để thu hút, tạo điều kiện cho những người có kiến thức, tâm huyết theo nghề luật sư đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp luật, bào chữa, trợ giúp pháp lý của nhân dân; bảo vệ quyền của Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện chế định giám định tư pháp có tính chuyên môn cao. Kết luận giám định là ý kiến của nhà chuyên môn đánh giá về sự kiện, về bản chất vụ việc dưới góc độ khoa học chứ không mang tính pháp lý. Việc đánh giá về mặt pháp lý kết luận giám định là công việc của các cơ quan và cán bộ tư pháp có thẩm quyền. Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trung cầu và thực hiện giám định. Trên cơ sở những quy định

chung đó, ban hành quy chuẩn thực hiện giám định trong mỗi lĩnh vực giám định cụ thể phù hợp với những đặc thù riêng của lĩnh vực đó để làm cơ sở đánh giá và sử dụng kết luận giám định được chính xác. Xác định rõ cơ chế giải quyết xung đột kết luận giám định trong trường hợp kết luận giám định là nguồn chứng cứ chủ yếu làm căn cứ cho việc định tội, lượng hình trong tố tụng hình sự hoặc làm căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự, xác định lỗi, trách nhiệm của các đương sự trong tố tụng dân sự. Thành lập và kiện toàn các tổ chức giám định tư pháp, theo quy định của Pháp lệnh Giám định tư pháp, nhất là thành lập Viện Pháp y Quốc gia; các tổ chức giám định ở các tỉnh, thành phố để phục vụ cho công tác điều tra, xét xử.

Xây dựng cảnh sát hỗ trợ tư pháp chính quy. Xác định rõ chức năng của lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp là hỗ trợ cho hoạt động xét xử, thi hành án... thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa hình sự, dân sự (nếu tòa án yêu cầu); thi hành quyết định của Hội đồng xét xử về tạm giữ hành chính, dẫn giải người vi phạm trật tự tại phiên tòa; tổng đạt các quyết định, giấy triệu tập và các văn bản khác của tòa án cho các bên và đương sự theo yêu cầu của tòa án; dẫn giải bị cáo, người làm chứng phục vụ xét xử tại phiên tòa; thi hành án tử hình; quản lý kho vật chứng...

Hoàn thiện chế định công chứng; nghiên cứu để xác định rõ phạm vi của công chứng, chứng thực; phân biệt rõ công chứng nội dung và công chứng hình thức; giá trị pháp lý của văn bản công chứng. Xây dựng mô hình quản lý nhà nước về công chứng theo hướng Nhà nước chỉ tổ chức cơ quan công chứng thích hợp và có bước đi phù hợp để từng bước xã hội hoá công việc này. Trước mắt cần chuyển giao việc chứng thực cho các cơ quan hành chính (UBND cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn của UBND các cấp). Có thể thành lập các Văn phòng công chứng (Một công chứng viên) hoặc chi nhánh của Phòng công chứng ở cấp huyện để phục vụ nhu cầu công chứng của nhân dân. Nghiên cứu chuyển các phòng công chứng sang chế độ tự trang trải về tài chính

(Phòng công chứng là đơn vị sự nghiệp có thu). Tiến tới nghiên cứu giao một số hoạt động công chứng cho tổ chức không phải là Nhà nước thực hiện. Quy định trách nhiệm nghề nghiệp cụ thể cho công chứng viên. Xây dựng tiêu chuẩn công chứng viên, quy trình và cách thức bổ nhiệm công chứng viên khi tiến hành xã hội hoá trong lĩnh vực này.

Nghiên cứu chế định thừa phát lại (thừa hành viên) để mở rộng xã hội hoá các hoạt động hỗ trợ các cơ quan tư pháp, tổ chức nghiên cứu và áp dụng thí điểm chế định thừa phát lại tại một số địa phương, như ở T.P Hồ Chí Minh, Hà Nội... Thừa phát lại (thừa hành viên) có nhiệm vụ hỗ trợ các hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp, giúp các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả; giúp công dân trong việc tạo lập các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; hỗ trợ thi hành án.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nâng cao và cụ thể hoá tiêu chuẩn đối với từng loại cán bộ về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội; có kỹ năng nghề nghiệp cao và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chương trình đào tạo chung về những kiến thức cơ bản, sau đó đào tạo chuyên sâu về từng nghiệp vụ cụ thể. Chương trình đào tạo phải theo hướng đào tạo nghề, bảo đảm ra trường có thể làm việc được ở vị trí mà khi đào tạo đã xác định. Tăng cường bồi dưỡng ngắn ngày trong quá trình công tác. Thường xuyên tổ chức việc đào tạo lại cho các cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp.

Xây dựng cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc ở các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư

pháp không chỉ là cán bộ trong các cơ quan tư pháp, mà còn là các luật gia, luật sư... Đổi mới việc tuyển chọn, bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Nghiên cứu chế độ thi tuyển đối với một số chức danh. Có thể tổ chức các kỳ thi quốc gia để tuyển chọn nguồn chức danh tư pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có kỳ hạn đối với cán bộ có chức danh tư pháp.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực thi nhiệm vụ, đạo đức của cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp. Bên cạnh đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả của việc tự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan tư pháp, của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp của cán bộ bổ trợ tư pháp, phải xây dựng, hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của các tổ chức xã hội, của nhân dân đối với cán bộ tư pháp; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của Nhà nước đối với các hoạt động của các chức danh bổ trợ tư pháp.

Xây dựng chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động, cống hiến của cán bộ tư pháp. Tôn vinh các cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp giỏi, có nhiều cống hiến, dũng cảm đấu tranh chống tội phạm, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ công lý, bảo vệ nhân dân.

5. Xây dựng các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh đòi hỏi tăng cường có hiệu quả sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và sự tham gia, giám sát của nhân dân

Đổi mới và tăng cường công tác giám sát của các cơ quan dân cử đối với hoạt động tư pháp theo hướng xác định rõ thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp cụ thể giữa các cơ quan có thẩm quyền, không để chồng chéo và tránh buông lỏng trong hoạt động giám sát. Xác định rõ tiêu chí, đối tượng, nội dung, phương thức và thẩm quyền xử lý kết quả giám sát. Đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn của đại biểu Quốc hội, HĐND đối với các cơ quan tư pháp và chất lượng báo cáo, trả lời chất vấn của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội, HĐND. Sau khi xem xét, đánh giá báo cáo và trả lời chất vấn của các cơ quan tư pháp

tại các kỳ họp, Quốc hội và HĐND nên có nghị quyết riêng về hoạt động tư pháp.

Sớm thành lập Ủy ban Tư pháp của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện chuyên sâu hơn nhiệm vụ giám sát hoạt động tư pháp, trọng tâm là việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử.

Phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân trong việc giám sát, tham gia, góp ý, yêu cầu, chất vấn, phê bình đối với các cơ quan, cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp; xác định rõ hơn cơ chế để nhân dân thực hiện những hoạt động trên một cách trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp để các cơ quan này khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm đó. Để thực hiện tốt yêu cầu này, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và nhân dân cần được cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ về những vấn đề có liên quan và xác định rõ nghĩa vụ của các cơ quan tư pháp phải trả lời, cung cấp thông tin theo thời hạn cụ thể.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp và chuyển tải các ý kiến, quan điểm của các tổ chức và công dân đối với hoạt động tư pháp.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp. Hội nhập quốc tế và khu vực đòi hỏi phải nâng cao năng lực của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp để bảo vệ quyền của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân Việt Nam trên trường quốc tế. Do vậy cần nhanh chóng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ chuyên sâu trong lĩnh vực tư pháp quốc tế đủ khả năng xử lý các vụ việc có yếu tố nước ngoài.

Phổ biến rộng rãi và tăng cường công tác thông tin, giải thích các điều ước quốc tế, hiệp

định tương trợ tư pháp và các hiệp định hợp tác phòng, chống tội phạm mà Nhà nước ta ký kết hoặc gia nhập và coi đó là một hoạt động gắn liền với công tác phổ biến giáo dục pháp luật; đồng thời tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế đó. Tiếp tục nghiên cứu việc ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống.

Tăng cường phối hợp chung trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế giữa nước ta với các tổ chức quốc tế như INTERPOL, ASEANPOL, với cảnh sát các nước láng giềng và khu vực, với cảnh sát một số quốc gia có nhiều công dân Việt Nam sinh sống, lao động, học tập. Thường xuyên trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các nước, cung cấp tài liệu, tổ chức khảo sát, hội thảo, hội nghị quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính quốc tế.

Rà soát, đánh giá chất lượng bộ phận chuyên trách hợp tác quốc tế về tư pháp tại các cơ quan tư pháp để có các giải pháp thích hợp củng cố, sắp xếp, kiện toàn bộ phận này có đủ năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế thông qua việc lựa chọn gửi đi đào tạo, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau; mở các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề tại Việt Nam và bồi dưỡng, học tập ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh cho cán bộ tư pháp ở các cơ quan tư pháp Trung ương và cấp tỉnh có nhiệm vụ giải quyết những vụ việc có yếu tố nước ngoài.

7. Tăng cường đầu tư cho các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp. Kinh phí, trụ sở, phương tiện công tác... cũng là một trong các điều kiện bảo đảm cho các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp hoàn thành nhiệm vụ ngày càng nặng nề, phức tạp, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp. Việc xây dựng, trang bị cần đón đầu, tiếp cận ngay với những trang bị, phương tiện hiện đại trong điều kiện cho phép.

(Xem tiếp trang 50)

thiệt hại cho một đối thủ trong thị trường liên quan nên về nguyên tắc, pháp luật dành quyền ưu tiên cho doanh nghiệp được tự bảo vệ mình. Đây cũng là một trong những triết lý của kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền-xã hội công dân.

Một việc cũng cần lưu ý về mặt kỹ thuật và việc áp dụng pháp luật cạnh tranh liên quan đến quy định về mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh với các văn bản pháp luật khác, bao gồm cả pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế đã được trình bày ở bài viết đã nêu trên, theo đó, chúng tôi có nghi ngờ về tính chất thường xuyên “riêng” của đạo luật này. Bởi nếu hiểu theo nghĩa thực dụng thì vấn đề

này là việc áp dụng pháp luật cho một trường hợp cụ thể trong bối cảnh, về vấn đề này có nhiều quy định pháp luật cùng loại có giá trị pháp lý khác nhau, tồn tại ở những văn bản quy phạm pháp luật và với mức độ trừu tượng khác nhau. Khi đó, người áp dụng pháp luật cần ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật mà xét về chức năng chúng gắn liền nhất với vụ việc cần xử lý. Như vậy, khó có thể đặt vấn đề về mối liên hệ giữa các văn bản pháp luật và lại càng không thể xác định chắc chắn theo một quy định pháp luật. Đây là một trong những nguyên tắc sơ đẳng trong áp dụng pháp luật không cần định nghĩa hay quy định bằng một điều luật.

(Tiếp theo trang 40 – Bàn về những nội dung...)

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan tư pháp theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao cho cơ quan tư pháp địa phương quản lý, sử dụng, có sự giám sát, kiểm tra của cơ quan tư pháp Trung ương; có cơ chế cho phép địa phương hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của các cơ quan tư pháp địa phương từ khoản thu vượt ngân sách của địa phương. Tiêu chí để phân bổ ngân sách cần được xây dựng lại cho phù hợp với đặc thù hoạt động của các cơ quan tư pháp, khác với các cơ quan hành chính; căn cứ chủ yếu vào tính chất, khối lượng công việc và địa bàn hoạt động của từng cơ quan tư pháp.

Từng bước xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan tư pháp khang trang, hiện đại,

đầy đủ tiện nghi. Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ cho công tác điều tra, đấu tranh phòng chống tội phạm, công tác xét xử, cho công tác giám định tư pháp. Khẩn trương trong một vài năm xây xong trụ sở làm việc cho các cơ quan tư pháp cấp huyện, nâng cấp các nhà tạm giam theo Đề án đã được Chính phủ phê duyệt.

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cập nhật đầy đủ, thường xuyên, kịp thời và khai thác có hiệu quả các thông tin, dữ liệu về chính sách của Đảng, Nhà nước, về hệ thống pháp luật của Việt Nam và quốc tế; xây dựng mạng thông tin thông suốt từ Trung ương đến cơ sở trong các ngành tư pháp; tiến tới thực hiện mô hình “Chính phủ điện tử” trong hệ thống các cơ quan tư pháp.